

DANH MỤC

NGHỀ, CÔNG VIỆC NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM VÀ NGHỀ, CÔNG VIỆC ĐẶC BIỆT NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM

(Kèm theo Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

IV. VẬN TẢI

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
	Điều kiện lao động loại VI	
1	Sĩ quan máy, thợ máy, thợ điện tàu viễn dương, tàu ven biển vận tải hàng hoá, xăng, dầu	Công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, nơi làm việc chật hẹp, tư thế lao động gò bó, chịu tác động nóng, rung và ồn.
2	Lái xe vận tải chuyên dùng, có trọng tải từ 60 tấn trở lên.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm chịu tác động của ồn, rung và bụi.
3	Bóc xếp thủ công dưới các hầm tàu vận tải biển	Công việc rất nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, thiếu dưỡng khí, tư thế làm việc gò bó.
	Điều kiện lao động loại V	
1	Sĩ quan, thuyền viên, kỹ thuật viên, thợ máy các tàu công trình	Thường xuyên ăn ở sinh hoạt trên sông, biển; công việc nặng nhọc, chịu tác động của sóng và tiếng ồn lớn..
2	Lái đầu máy xe lửa	Thường xuyên lưu động trên tàu, luôn căng thẳng thần kinh, ảnh hưởng của tiếng ồn.
3	Lái xe vận tải, có trọng tải 20 tấn trở lên	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, ảnh hưởng của bụi, rung và ồn cao
4	Lái máy xúc dung tích gầu từ 4m ³ trở lên	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của bụi, ồn cao.
5	Sĩ quan boong, sĩ quan điện, vô tuyến điện, thủy thủ, cấp dưỡng, phục vụ, bác sĩ, quản trị trưởng trên tàu viễn dương, tàu ven biển vận tải hàng hoá, xăng, dầu	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của sóng gió, ồn và rung.
6	Lái xe ô tô chở khách từ 80 ghế trở lên.	Công việc nguy hiểm, căng thẳng thần kinh tâm lý, chịu tác động của ồn và rung.

7	Máy trưởng, thợ máy phà tự hành, ca nô lai dặt phà và tàu sông có công suất từ 90 CV trở lên.	Nơi làm việc chật hẹp, chịu tác động của ồn, rung, nóng, thường xuyên tiếp xúc với xăng, dầu, tư thế lao động gò bó.
8	Sản xuất vỏ tàu và các sản phẩm từ Composit	Tiếp xúc với các hóa chất độc như: butanol, axetol, bòng thủy tinh...
9	Làm việc trên đốc nổi	Thường xuyên làm việc trong hầm chật hẹp, thiếu dưỡng khí, chịu tác động của nóng và tiếng ồn cao
10	Lặn kiểm tra tàu, vệ sinh lòng bến, đặt goong phục vụ hạ thủy	Công việc thủ công, rất nặng nhọc, nguy hiểm, thường xuyên tiếp xúc với các vi sinh vật gây bệnh
11	Nhân viên điều độ chạy tàu (Điều độ viên trực tiếp chỉ huy chạy tàu tại các trung tâm).	Công việc rất phức tạp, căng thẳng thần kinh tâm lý.
12	Vận hành cần trục giàn cầu tàu.	Làm việc trên cao, độ rung lắc lớn, nguy cơ mất an toàn cao.
13	Vận hành cần trục chân đế.	Làm việc trên cao, độ rung lắc lớn, nguy cơ mất an toàn cao.
14	Vận hành cần trục bánh lốp.	Môi trường bụi, ồn, cường độ lao động khẩn trương.
15	Vận hành xe nâng hàng xếp dỡ Container.	Môi trường bụi, ồn, cường độ lao động khẩn trương.
16	Vận hành xe nâng hàng bách hóa (không phải Container).	Môi trường bụi, ồn, cường độ lao động khẩn trương
17	Lái xe vận tải trong dây chuyền xếp dỡ.	Môi trường bụi, ồn, cường độ lao động khẩn trương.
18	Bốc xếp thủ công.	Môi trường bụi, ồn, hơi khí độc, cường độ lao động khẩn trương, nặng nhọc nguy hiểm.
19	Trực tiếp làm việc trong Hầm đường bộ Hải Vân (vận hành máy, thiết bị; phòng cháy chữa cháy; bảo dưỡng, vệ sinh hầm; đảm bảo an toàn giao thông, hướng dẫn lánh nạn).	Chịu tác động của từ trường lớn do có sự cộng hưởng từ các thiết bị điện; chịu ảnh hưởng của tiếng ồn, hơi xăng dầu, hơi khí độc, bụi; chịu ảnh hưởng của khí hậu khắc nghiệt do ở độ cao 127m so với mặt nước biển; chịu ảnh hưởng của nước thải và hóa chất tẩy rửa từ công tác vệ sinh hầm; làm việc trong điều kiện thiếu dưỡng khí, dễ xảy ra tai nạn lao động, tai nạn giao thông.
20	Khai thác viên hệ thống thông tin Duyên hải Việt Nam.	Công việc căng thẳng thần kinh tâm lý, chịu tác động của ồn.
21	Kỹ thuật viên hệ thống thông tin Duyên hải Việt Nam.	Công việc căng thẳng thần kinh tâm lý, tư thế lao động gò

		bó, chịu tác động của ồn, điện từ trường.
22	Thuyền viên làm việc trên tàu tìm kiếm cứu nạn, trục vớt tài sản chìm đắm, cứu hộ.	Công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của sóng, gió, thời tiết, căng thẳng thần kinh tâm lý.
23	Giám sát viên, điều hành viên hệ thống hành hải tàu thuyền.	Căng thẳng thần kinh tâm lý, chịu tác động của ồn, điện từ trường siêu cao tần.
24	Kỹ thuật viên điều hành hệ thống hành hải tàu thuyền.	Căng thẳng thần kinh tâm lý, tư thế lao động gò bó, thường xuyên làm việc trên tháp radar cao 50m, chịu ảnh hưởng của ồn, điện từ trường siêu cao tần.
25	Thuyền viên làm việc trên tàu, ca nô công vụ của cảng vụ hàng hải.	Công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của sóng, gió, rung, ồn, căng thẳng thần kinh tâm lý.
26	Thuyền viên làm việc trên tàu, ca nô phục vụ tiếp tế, kiểm tra hệ thống báo hiệu hàng hải đèn biển, luồng hàng hải; đưa đón hoa tiêu hàng hải.	Công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của sóng, gió, rung, ồn.
27	Kiểm tra tàu, thuyền, công trình thủy, báo hiệu hàng hải.	Công việc nguy hiểm, chịu tác động của bụi, hơi khí độc.
28	Kiểm tra công trình biển.	Làm việc ở ngoài khơi, xa bờ, chịu tác động của sóng, gió.
29	Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa phao tiêu, báo hiệu hàng hải.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung.
30	Quản lý và vận hành các thiết bị báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải, cửa sông, dọc theo các sông có vận tải thủy.	Làm việc ngoài trời, công việc nguy hiểm, chịu tác động của sóng, gió, rung.
31	Công nhân quản lý, vận hành đèn biển.	Làm việc ngoài khơi, công việc nguy hiểm, chịu tác động của sóng, gió.
32	Thợ giàn giáo trong nhà máy đóng tàu	Làm việc trên cao, dưới hầm tàu (sâu 20-30m), phải mang vác nặng trong lúc leo trèo. Vị trí làm việc chênh vênh nguy hiểm, môi trường làm việc thiếu ánh sáng, thiếu dưỡng khí, nóng bụi. Tư thế làm việc gò bó, chật hẹp.
Điều kiện lao động loại IV		
1	Điều độ viên trực tiếp chỉ huy chạy tàu tại các trung tâm (Hà Nội, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh)	Luôn giải quyết những việc phức tạp, căng thẳng thần kinh

2	Tuần đường, tuần cầu (đường sắt)	Đi lại nhiều, tập trung quan sát để kiểm tra đường, lưu động ngoài trời
3	Cấp than đầu máy hơi nước (tàu hoả)	Công việc nặng nhọc, nóng, bụi và ồn
4	Lái ô tô ray, xe goòng	Thường xuyên lưu động, ảnh hưởng của tiếng ồn, bụi
5	Vận hành máy tàu sông	Thường xuyên lưu động trên sông, ảnh hưởng nóng, ồn, luôn tiếp xúc với dầu mỡ.
6	Trưởng đồn móc nối đầu máy toa xe ở các ga lớn (Hà Nội, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh)	Làm ngoài trời, đi lại nhiều, ảnh hưởng của tiếng ồn, bụi
7	Nhân viên nấu ăn, phục vụ ăn uống trên tàu Bắc Nam	Lưu động theo tàu, công việc nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, nóng, ồn
8	Sỹ quan, thuyền viên các tàu vận tải sông có công suất từ 90CV trở lên	Thường xuyên lưu động trên sông, công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của sóng, gió, ồn
9	Cấp dưỡng tàu công trình	Ăn, ở sinh hoạt trên sông, biển như các thuyền viên; nơi làm việc chật hẹp, công việc nặng nhọc
10	Trưởng tàu khách, trưởng tàu hàng.	Thường xuyên lưu động theo tàu, chịu tác động của ồn, rung và bụi, căng thẳng thần kinh tâm lý.
11	Áp tải, bảo vệ, giao nhận hàng hoá, hành lý, thiết bị theo tàu.	Lưu động theo tàu, chịu tác động của ồn, rung và bụi.
12	Trực ban, điều độ, chạy tàu ở các ga.	Đi lại nhiều, giải quyết nhiều công việc phức tạp, căng thẳng thần kinh tâm lý.
13	Trưởng đồn, móc nối, dẫn máy ở các ga lập tàu.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, đi lại nhiều, chịu tác động của ồn và bụi.
14	Quay ghi đường sắt ở các ga lập tàu.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công, nặng nhọc, chịu tác động của ồn và bụi.
15	Gác chắn đường ngang cấp I, gác chắn cầu chung.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của ồn, bụi than và bụi hỗn hợp (khi tàu chạy qua).
16	Tuần hàm đường sắt.	Đi lại nhiều trong hầm tối, tập trung quan sát để kiểm tra đường.

17	Vệ sinh sân ga, vệ sinh toa xe ở các ga xe lửa.	Làm việc ngoài trời, ảnh hưởng của ồn và bụi
18	Lắp đặt và đại tu thiết bị thông tin tín hiệu đường sắt.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, chịu tác động của bụi.
19	Sàng và cấp cát đầu máy xe lửa.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công, nặng nhọc, chịu tác động của bụi nồng độ rất cao.
20	Vận hành bể lọc rửa phụ tùng đầu máy, toa xe.	Công việc nặng nhọc, luôn tiếp xúc với dầu mỡ và các hóa chất độc.
21	Phụ cầu, móc cáp.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm.
22	Phục vụ ăn, uống cho công nhân duy tu và đại tu đường sắt.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, đi lại nhiều, chịu tác động của nóng, bụi.
23	Thuyền trưởng, thuyền phó, thủy phủ phà, canô lai dắt phà.	Chịu tác động của sóng, gió, ồn, rung, thường xuyên tiếp xúc với xăng, dầu.
24	Điều khiển máy bánh hơi thi công nền, mặt đường.	Làm việc nặng nhọc, ảnh hưởng của nóng, bụi và rung.
25	Lái xe vận tải từ 7 tấn đến dưới 20 tấn.	Nặng nhọc, căng thẳng thần kinh tâm lý, ồn, rung, nguy hiểm.
26	Lái xe ô tô khách từ 40 ghế đến dưới 80 ghế.	Lưu động, nguy hiểm, căng thẳng thần kinh, chịu tác động của ồn, rung.
27	Trực tiếp chỉ đạo kỹ thuật đóng, sửa chữa tàu, thuyền ở các bến cảng	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, tư thế lao động gò bó.
28	Sản xuất Matít để xảm vỏ tàu gỗ	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với hóa chất.
29	Soát vé, điều hành xe tại các trạm thu phí cầu, đường, bến phà.	Chịu tác động của bụi, tiếng ồn, hơi xăng dầu, khí độc (CO ₂ , CO...) và thời tiết thay đổi theo mùa.
30	Dừng xe, hướng dẫn xe lên bàn cân tại các trạm kiểm tra tải trọng xe.	Làm việc ngoài trời, chịu tác động của bụi, tiếng ồn, hơi xăng dầu, khí độc (CO ₂ , CO...).
31	Sửa chữa cần cầu, máy, thiết bị thi công tại các công trình giao thông.	Làm việc ngoài trời, trên cao; chịu tác động của thời tiết thay đổi; tư thế làm việc gò bó, nguy hiểm.

32	Nhân viên phục vụ (nấu ăn, phục vụ ăn uống, dọn dẹp, vệ sinh toa, giường nằm) trên các đoàn tàu hoả chở khách.	Phải kiêm nhiệm nhiều việc, công việc vất vả, thường xuyên lưu động theo tàu suốt ngày đêm. Chịu tác động của bụi, ồn, rung và khí hậu thay đổi của các miền trong một thời gian ngắn.
33	Trực tiếp quản lý, vận hành Hầm đường bộ Hải Vân (làm việc tại Trung tâm điều hành OCC; bảo vệ hầm thông gió; nhân viên vệ sinh, chăm sóc cây cảnh).	Chịu tác động của từ trường lớn; chịu ảnh hưởng của tiếng ồn, hơi xăng dầu, hơi khí độc; chịu ảnh hưởng của khí hậu khắc nghiệt do ở độ cao 127 mét so với mặt nước biển; chịu ảnh hưởng của nước thải và hóa chất tẩy rửa từ công tác vệ sinh hầm, thiếu dưỡng khí, nhiều bụi, khói; làm việc trong điều kiện dễ xảy ra tai nạn lao động, tai nạn giao thông.
34	Công nhân xây dựng cầu đường bộ.	Lao động phân tán, lưu động, thủ công, ngoài trời; chịu tác động của bụi, tiếng ồn, hơi khí độc; làm việc trong điều kiện dễ xảy ra tai nạn lao động, tai nạn giao thông.
35	Nhân viên bán vé, hỗ trợ bán vé, hỗ trợ soát vé cầu, đường bộ.	Chịu tác động của bụi, tiếng ồn, hơi xăng dầu, khí độc (CO, CO ₂ ...); làm việc ngoài trời, trong điều kiện dễ xảy ra tai nạn giao thông.
36	Sơn gờ giảm tốc, giải phân làn trên đường bộ.	Chịu tác động của bụi, tiếng ồn, hơi xăng dầu, hơi khí độc; lao động ngoài trời, trong điều kiện dễ xảy ra tai nạn giao thông.
37	Lái máy san.	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của ồn, rung và bụi.
38	Cấp nhiên liệu cho đầu máy, to axle.	Công việc độc hại, tiếp xúc thường xuyên với xăng, dầu và các sản phẩm hóa dầu.
39	Vận hành, điều khiển cầu đường sắt.	Tiếp xúc thường xuyên với ồn, bụi vượt tiêu chuẩn cho phép.
40	Phun bi, tẩy rỉ kim loại.	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của ồn, rung và bụi nồng độ cao.
41	Vận hành máy đầm, máy rung, máy dùi, máy xiết đinh đường sắt.	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của tiếng ồn và rung lớn.
42	Sản xuất bê tông (tà vệt bê tông, cấu kiện bê tông...).	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, ồn và bụi.

43	Duy tu, vệ sinh cầu Thăng Long.	Làm việc ngoài trời, chịu tác động của ồn và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép.
44	Gác chắn đường ngang.	Làm việc ngoài trời, chịu tác động của ồn và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép. Công việc nặng nhọc căng thẳng, nguy cơ tai nạn cao.
45	Thợ máy tàu.	Môi trường bụi, ồn, hơi khí độc, cường độ lao động khẩn trương, nặng nhọc nguy hiểm
46	Sỹ quan thủy thủ, thuyền viên trên tàu vận tải.	Môi trường bụi, ồn, hơi khí độc, cường độ lao động khẩn trương, nặng nhọc nguy hiểm
47	Sửa chữa gầm, máy các loại ô tô, xe nâng container.	Chịu tác động bụi, ồn, hơi khí độc; công việc nặng nhọc.
48	Chiết nập và sản xuất khí công nghiệp.	Chịu tác động bụi, ồn; công việc gò bó, nguy hiểm.
49	Kiểm tra và sửa chữa bình áp lực.	Chịu tác động bụi, ồn; công việc nguy hiểm.
50	Công nhân quản lý đường thủy nội địa.	Làm việc ngoài trời, nặng nhọc, ảnh hưởng của sóng, gió.
51	Công nhân khảo sát, duy tu, bảo trì đường thủy nội địa.	Làm việc ngoài trời, nặng nhọc, ảnh hưởng của sóng, gió.
52	Công nhân lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa.	Làm việc ngoài trời, chịu tác động của sóng, gió.
53	Thuyền trưởng, máy trưởng làm việc trên tàu công tác quản lý đường thủy nội địa.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, chịu ảnh hưởng của sóng, gió.
54	Nhân viên phục vụ hệ thống thông tin Duyên hải Việt Nam.	Chịu tác động của ồn, điện từ trường.
55	Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa ra - đa ở các trạm ra - đa trong hệ thống lưu thông hàng hải trên luồng.	Chịu ảnh hưởng của điện từ trường, thường xuyên làm việc trên cao.
56	Công nhân quản lý vận hành luồng hàng hải.	Làm việc theo ca, chịu nhiều ảnh hưởng của điện từ trường, căng thẳng thần kinh tâm lý.
57	Tiếp nhận, truyền phát và xử lý thông tin an ninh, an toàn hàng hải.	Công việc căng thẳng thần kinh tâm lý, chịu tác động của điện từ trường.
58	Vận hành máy thi công đường sắt (máy sang đá, máy thay tà vẹt, máy hàn ray, máy mài ray, máy xúc đào, máy đa năng)	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc lầy lội, ẩm ướt, chịu tác động của ồn, rung. Thường xuyên tiếp xúc với các loại axit, kiềm, xút....

59	Mộc, nề, kiến trúc, sắt, sửa chữa cơ khí tại hiện trường (đường sắt)	Chịu tác động hơi kiềm, ồn, rung và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép
60	Điều phối tàu, máy, thiết bị, nhân lực ở các bến cảng	Luôn tiếp xúc với môi trường độc hại, nguy hiểm, nồng độ bụi rất cao, nắng nóng, mưa gió, nguy hiểm cho nhiều thiết bị cùng tác nghiệp.
61	Chế tạo vỏ tàu thủy	Tư thế làm việc gò bó, công việc nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với tiếng ồn, bụi
62	Vận hành dây chuyền làm sạch tôn	Nơi làm việc chật hẹp, thiếu dưỡng khí, thiếu ánh sáng, thường xuyên tiếp xúc với tiếng ồn, bụi nhiều
63	Cân hàng tại trạm cân điện tử ở các bến cảng	Công việc thường xuyên tiếp xúc tiếng ồn, bụi, căng thẳng thần kinh tâm lý
64	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị cơ giới ở các bến cảng	Tư thế lao động gò bó, công việc nặng nhọc, tiếp xúc với dầu mỡ, ồn, bụi
65	Kỹ thuật viên đánh giá NDT	Tư thế lao động gò bó, nơi làm việc chật hẹp, tiếp xúc với hóa chất, phóng xạ

V. XÂY DỰNG GIAO THÔNG VÀ KHO TÀNG BỀN BÃI

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
	Điều kiện lao động loại VI	
1	Ngâm tẩm, bảo quản tà vẹt phòng mục bán tự động	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm và độc hại do phải tiếp xúc trực tiếp với hóa chất độc mạnh (phenol) ở nồng độ rất cao.
2	Thợ lặn công trình.	Công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của áp suất cao.
3	Quản lý và khai thác đèn biển trên quần đảo Trường Sa.	Thường xuyên chịu tác động của sóng, gió, ồn và khí hậu khắc nghiệt.
	Điều kiện lao động loại V	
1	Vận hành máy chèn đường sắt.	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của tiếng ồn, rung lớn.
2	Bốc xếp thủ công ở các cảng.	Công việc thủ công, làm việc ngoài trời và rất nặng nhọc

3	Bốc xếp thủ công ở các ga, kho, bến, bãi.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công rất nặng nhọc.
4	Kích kéo lắp dầm thép trên cao	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của rung và ồn.
5	Đổ bê tông, xây móng, trụ cầu.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn và rung.
6	Gia công cọc, ván thép; lao lắp nâng hạ dầm cầu.	Công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn và rung.
7	Phun cát tẩy rỉ	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, chịu tác động của ồn, rung, bụi nồng độ rất cao.
8	Vận hành máy đóng cọc xây dựng công trình.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc dầu mỡ, ồn, tư thế làm việc gò bó.
9	Lái cầu nổi thi công cầu và lao lắp dầm cầu.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của tiếng ồn cao.
10	Tán đinh rỉ về kết cấu thép.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung, nóng, khí CO và CO ₂ .
11	Khoan nhồi bê tông tạo cọc móng trụ cầu; vận hành máy tạo vữa Ben-tô-nít vào lỗ khoan cọc nhồi.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, luôn tiếp xúc với hóa chất và ồn.
12	Làm việc dưới móng trụ cầu trong vòng vây cọc, ván thép	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của tiếng ồn.
13	Pha chế sơn và phun sơn dầm cầu.	Tiếp xúc hóa chất độc hại, tư thế lao động gò bó.
14	Hàn đối đầu các dầm cầu thép.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, căng thẳng thần kinh tâm lý, thường xuyên tiếp xúc hơi khí độc.
15	Sử dụng máy quang tuyến X chụp mối hàn dầm cầu, mặt cầu thép.	Làm việc ngoài trời, tư thế lao động gò bó, chịu tác động trực tiếp của tia Rơn ghen.
16	Đào đất, đá hạ giếng chìm bằng thủ công.	Lao động thủ công, nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của bụi và ồn.
17	Phá đá, phá trụ cầu, phá dầm cầu dưới nước.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm.

18	Vận hành máy trộn bê tông nhựa nóng (không có buồng điều khiển).	Chịu tác động của nhiệt độ cao, ồn, rung mạnh, hơi khí độc và bụi nhiều.
19	Cấp nhựa cho máy nấu nhựa bằng thủ công.	Rất nặng nhọc, độc hại và nóng.
20	Nấu, tưới nhựa nóng vá láng mặt đường bằng thủ công.	Nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với hơi, khí, bụi độc và bức xạ nhiệt.
21	Xây dựng, lắp ráp, sửa chữa thiết bị, công trình hải đăng, đèn đảo.	Công việc thủ công, nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của sóng, gió.
22	Quản lý và khai thác đèn biển trên các đảo và cửa biển.	Chịu tác động của sóng, gió và khí hậu khắc nghiệt.
23	Gạt than, phân bón rơi dưới hầm tàu biển, tàu sông, xà lan.	Nơi làm việc chật hẹp, thiếu dưỡng khí, công việc thủ công, nặng nhọc, tư thế lao động gò bó.
24	Thợ lặn căn kê tàu.	Lao động nặng nhọc, nguy hiểm, tư thế lao động gò bó.
25	Sơn, cạo rỉ đáy tàu.	Lao động nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, nơi làm việc thiếu dưỡng khí, hôi thối.
26	Khảo sát, kiểm tra, thông báo luồng cửa sông, cửa biển.	Thường xuyên làm việc ngoài trời, trên sông nước, môi trường hôi thối, bẩn thỉu.
27	Thắp đèn ở các phao trên luồng hàng hải, cửa sông, vùng hồ, dọc theo các sông có vận tải thủy.	Làm việc ngoài trời, nguy hiểm, chịu tác động của sóng gió, rung lắc, tư thế lao động gò bó.
28	Thợ sắt, thợ hàn sắt trên các công trình xây dựng và sửa chữa cầu	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của bụi, ồn, rung, khí CO ₂ , CO...
29	Làm mới, đại tu đường sắt.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công, nặng nhọc.
Điều kiện lao động loại IV		
1	Sửa chữa, bảo dưỡng, duy tu cầu, đường sắt	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công nặng nhọc, bụi
2	Vệ sinh sân ga, vệ sinh toa xe ở các ga (Hà Nội, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh)	Làm ngoài trời, ảnh hưởng của ồn và bụi bẩn
3	Lái xe cần trục từ 20 tấn trở lên	Công việc nặng nhọc, nóng
4	Lái máy ủi	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của ồn, rung và bụi

5	Trực trạm quản lý đường ven sông, ven biển, lòng hồ	Lưu động trên sông nước, công việc nặng nhọc
6	Lái cầu điện, cầu diezen ở cảng	Chịu tác động của ồn, bụi và nóng
7	Vận hành cầu trục chân đế ở cảng	Tiếp xúc thường xuyên với bụi và ồn rất cao
8	Đúc bê tông đầm cầu dự ứng lực, cọc ống ly tâm.	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của ồn cao, nóng và bụi.
9	Hàn ống thép phục vụ cọc khoan nhồi.	Làm việc ngoài trời, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của khí độc (khí hàn).
10	Làm ván khuôn cầu kiện đầm cầu, móng trụ cầu; làm sắt cầu, cầu cáp.	Lao động ngoài trời, nặng nhọc, nguy hiểm.
11	Điều khiển máy đầm bê tông, cầu kiện bê tông.	Công việc nặng nhọc, chịu ảnh hưởng của tiếng ồn, rung và bụi.
12	Đúc đẩy bê tông dự ứng lực	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, ồn và bụi.
13	Vận hành trạm trộn bê tông nhựa nóng tự động (có buồng điều khiển).	Chịu tác động của ồn, căng thẳng thần kinh tâm lý.
14	Vận hành máy nấu nhựa, máy sấy đá, nồi hơi bảo ôn trạm trộn bê tông nhựa nóng.	Làm việc ngoài trời, chịu tác động của hơi khí độc và bụi nhiều.
15	Phục vụ trạm trộn bê tông nhựa nóng (vận chuyển nguyên liệu, nhiên liệu, tháo bao bột đá vào băng chuyền, xúc và vận chuyển bột đá ở máy sấy thải ra, quét dọn dầu, than... quét dầu, phun dầu vào thùng xe chở bê tông nhựa nóng).	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công, nặng nhọc, tiếp xúc với hơi khí độc, bụi.
16	Sửa chữa cơ khí thiết bị tại trạm trộn bê tông nhựa nóng.	Làm việc ngoài trời, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của hơi, khí, bụi độc.
17	Lái các loại xe lu lăn đường.	Nặng nhọc, ồn, rung, nóng và bụi nhiều.
18	Điều khiển xa máy ép hơi thổi bụi mặt đường, xe phun nhựa nóng, máy trải thảm bê tông nhựa nóng.	Làm việc ngoài trời, chịu tác động của ồn, rung, bụi, hơi khí độc và nóng.
19	Cuốc, xúc bù, san mặt đường theo máy trải thảm bê tông nhựa nóng.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công, nặng nhọc, chịu tác động của nóng, hơi khí độc.
20	Sản xuất bê tông, nhựa đường, nhũ tương.	Tiếp xúc thường xuyên với nóng, bụi đá, hơi khí độc

		hydrôcacbua axít và các hóa chất phụ gia khác).
21	Duy tu, sửa chữa cầu, đường bộ.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công, nặng nhọc, chịu tác động của bụi
22	Nhân viên hoa tiêu.	Làm việc trong buồng lái trên tàu biển, luôn đứng suốt hành trình dẫn tàu, tập trung quan sát cao, căng thẳng thần kinh tâm lý.
23	Đóng bao phốt phát, apatít phân lân, urê,...ở các kho, bến, bãi, cảng sông, cảng biển, ga đường sắt.	Công việc thủ công, nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của bụi độc.
24	Trắc địa địa hình, địa chất khảo sát đường bộ, đường sông và đường biển.	Công việc nặng nhọc, thường xuyên lưu động, chịu tác động của bụi, mưa,nắng.
25	Sửa chữa, lắp đặt hệ thống điện, đường ống trong hầm tàu thủy.	Nơi làm việc chật hẹp, công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó.
26	Hoà công dưới hầm tàu thủy, xà lan.	Ảnh hưởng nóng, ồn, thiếu dưỡng khí.

VII. THÔNG TIN LIÊN LẠC, BUƯ CHÍNH VIỄN THÔNG

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
	Điều kiện lao động loại VI	
1	Xây lắp, sửa chữa, bảo dưỡng cột cao ăng ten (từ 50m trở lên)	Công việc nặng nhọc, khi làm việc trên cao rất nguy hiểm và khi sửa chữa, bảo dưỡng chịu tác động của điện từ trường cao tần và siêu cao tần.
2	Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị thông tin trên cột cao ăng ten (từ 50 m trở lên).	Công việc nặng nhọc; thường xuyên phải làm việc trên cao rất nguy hiểm; tư thế làm việc gò bó và khi sửa chữa, bảo dưỡng chịu tác động của điện từ trường cao tần và siêu cao tần.
	Điều kiện lao động loại V	
1	Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị thông tin vệ tinh (đài hoa sen)	Thường xuyên tiếp xúc với điện từ trường siêu cao tần vượt tiêu chuẩn cho phép
2	Xây lắp, bảo dưỡng, sửa chữa cáp ngầm	Công việc thủ công, nặng nhọc, vị trí làm việc chật hẹp,

		thiếu dưỡng khí; khi sửa chữa, bảo dưỡng bản thủ, hôi thối.
3	Giao thông viên vùng cao	Công việc vất vả, nặng nhọc, phải đi lại nhiều qua các vùng núi cao, nhiều dốc không kể mưa nắng.
4	Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị vi ba ở các trạm trên núi cao, rừng sâu	Giải quyết nhiều công việc phức tạp, không có khả năng ứng cứu, ảnh hưởng của điện từ trường
Điều kiện lao động loại IV		
1	Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị vi ba ở các trạm trên núi	Thường xuyên chịu tác động của điện từ trường và giải quyết nhiều công việc phức tạp
2	Giao thông viên trung du, miền núi và đồng bằng (đường thư dài từ 45km trở lên)	Đi bộ và đạp xe, chịu tác động của mưa, nắng, gió, công việc nặng nhọc.
3	Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa máy thu, phát công suất từ 1KW trở lên	Thường xuyên chịu tác động của điện từ trường vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần
4	Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị thông tin vệ tinh (đài intelsat)	Thường xuyên làm việc trong môi trường có điện từ trường vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần
5	Khai thác, phát hành báo chí tại Trung tâm (Hà Nội, TP Hồ Chí Minh)	Chuyên làm về đêm, công việc nặng nhọc, tiếp xúc bụi và ồn rất cao
6	Khai thác, phát hành bưu chính	Công việc thủ công, nặng nhọc, ảnh hưởng của bụi
7	Bảo quản cấp phát tem chơi, tem lưu trữ (sử dụng asen để bảo quản)	Thường xuyên tiếp xúc với hóa chất độc mạnh như asen và CO ₂
13	Đục tem bằng máy HKA 5/68 (sản xuất tại Đức)	Tư thế làm việc gò bó, chịu tác động của tiếng ồn cao vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần
8	Khai thác điện thoại (điện thoại viên cấp I, cấp II)	Thường xuyên tiếp xúc với màn hình, căng thẳng thần kinh, tâm lý
9	Khai thác phi thoại (điện thoại viên cấp I, cấp II)	Thường xuyên tiếp xúc với màn hình, căng thẳng thần kinh, tâm lý
10	Điện toán (truyền dẫn số liệu, quản lý danh bạ điện thoại, xử lý phần mềm và lập trình)	Thường xuyên tiếp xúc với màn hình, căng thẳng thần kinh, tâm lý

11	Sản xuất ống cáp nhựa thông tin.	Thường xuyên tiếp xúc với nóng, hơi, khí và bụi độc.
12	Chặt, uốn, hàn sắt làm cốt bê tông, cấu kiện thông tin.	Công việc nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với ồn, bụi, ảnh hưởng của khí hàn, tia hồ quang.
13	Trộn, đổ bê tông sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn các cấu kiện thông tin bằng phương pháp bán thủ công.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công, rất nặng nhọc, tiếp xúc với ồn, bụi, thường xuyên lưu động theo các công trình.
14	Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị truyền dẫn trên tuyến và mạng điện thoại nội hạt	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tư thế lao động gò bó.
15	Trực tiếp chỉ đạo xây dựng cột cao ăngten.	Thường xuyên làm việc ngoài trời, chịu tác động của mưa, nắng, bụi, căng thẳng thần kinh tâm lý.
16	Sửa chữa thiết bị đầu cuối thuê bao (điện thoại, Fax, máy nhắn tin...)	Nơi làm việc chật hẹp, tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với hóa chất.
17	Tuần tra bảo vệ các tuyến cáp quang	Làm việc ngoài trời, thường xuyên phải đi tuần tra không kể ngày đêm, mưa, nắng.
18	Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các tuyến cáp quang	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên làm việc ngoài trời không kể ngày đêm, mưa, nắng.
19	Chuyên khảo sát, đo đạc và lắp đặt các công trình thông tin	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của điện từ trường.
20	Vận hành khai thác, sửa chữa, bảo dưỡng các tổng đài cửa quốc tế, tổng đài có dung lượng từ 10.000 số trở lên, các đài, trạm thông tin vệ tinh mặt đất, các trung tâm công nghệ, kỹ thuật cao và cáp biển	Công việc đơn điệu, thường xuyên chịu tác động của điện từ trường.
21	Hộ tổng viên kiêm lái xe ô tô bưu chính có trọng tải từ 3,5 tấn trở lên hoặc trên các tuyến đường thư thuộc mạng cấp II ở các tỉnh miền núi	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, thường xuyên chịu tác động của rung và xóc.
22	Hộ tổng bưu chính trên phương tiện tàu hỏa tuyến Bắc – Nam	Công việc nặng nhọc, chịu tác động của bụi, rung, xóc.
23	Lắp đặt, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị thông tin tại các trạm thông tin bố trí dọc theo tuyến đường dây 500 KV.	Thường xuyên lưu động trên các địa hình đồi núi, tiếp xúc với vi khí hậu, điện từ trường vượt tiêu chuẩn cho phép.
24	Kiểm soát, thu đo tần số, máy phát vô tuyến điện.	Thường xuyên lưu động, làm việc ngoài trời, trên cao, tư thế

		lao động gò bó; căng thẳng thần kinh.
25	Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị cáp quang và máy hàn nối cáp quang.	Thường xuyên lưu động, làm việc ngoài trời, tiếp xúc với tia laze.
26	Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị VSAT, thiết bị thuê kênh riêng.	Làm việc nơi núi cao, hải đảo..., tiếp xúc với vi khí hậu xấu, điện từ trường.
27	Nhập và đối soát số liệu chuyển tiền bằng máy vi tính.	Công việc đơn điệu, cường độ lao động cao, căng thẳng thị lực, tâm lý.
28	Vận chuyển bưu điện (bưu tá) tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.	Làm việc ngoài trời, thường xuyên đi lại trên đường có mật độ giao thông cao, nguy hiểm; chịu ảnh hưởng của vi khí hậu, tiếng ồn và bụi.
29	Pha chế a xít, phóng nạp ắc quy.	Thường xuyên tiếp xúc với hơi, bụi chì; a-xít (H ₂ SO ₄) nồng độ cao.
30	Công nhân vận hành thiết bị Datapost	Tiếp xúc với ồn, hơi khí độc, căng thẳng thần kinh, tâm lý
31	Nhân viên thu gom	Tiếp xúc tiếng ồn, bụi, công việc nặng nhọc
32	Bưu tá	Làm việc ngoài trời, thường xuyên đi lại trên đường có mật độ giao thông cao, nguy hiểm; chịu ảnh hưởng của vi khí hậu, tiếng ồn và bụi
33	Lái xe bưu chính	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, thường xuyên chịu tác động của rung và xóc.

XXXI. DU LỊCH

TT	Tên nghề hoặc công việc	Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc
	Điều kiện lao động loại IV	
1	Nấu ăn trong các nhà hàng, khách sạn, các bếp ăn tập thể có từ 100 suất ăn trở lên	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc ẩm ướt, thường xuyên chịu tác động của nóng.
2	Cứu nạn ở các bãi tắm biển	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, thường xuyên chịu tác động của sóng gió.

3	Sơ chế thực phẩm phục vụ chế biến các món ăn từ 100 suất ăn trở lên trong nhà hàng, khách sạn	Lao động thủ công nặng nhọc, đứng, cúi khom, di chuyển ngắn liên tục trong ca; tiếp xúc với nóng, ẩm ướt, khí CO ₂ từ chất đốt.
4	Rửa bát đĩa và đồ dùng ăn uống trong các nhà hàng, khách sạn.	Công việc nặng nhọc, khẩn trương, liên tục; đứng, cúi suốt ca; chịu ảnh hưởng của nóng, ẩm ướt và hóa chất tẩy rửa.
5	Bảo quản, cấp phát, vận chuyển thực phẩm trong kho lạnh.	Chịu tác động nóng, lạnh (dưới 0 °C) đột ngột; vận chuyển thực phẩm nhiều lần trong ca làm việc.
6	Vệ sinh nhà bếp, cống rãnh khách sạn.	Công việc nặng nhọc, không cố định; tiếp xúc bụi bẩn, ẩm ướt, khí CO ₂ và nấm mốc vi sinh.
7	Giặt, là thủ công trong khách sạn.	Công việc nặng nhọc, thủ công; tiếp xúc trực tiếp với nóng, ẩm ướt và thuốc tẩy rửa: sút, a xit...
8	Lái xe ô tô du lịch từ 40 chỗ ngồi trở lên	Lưu động, nguy hiểm, căng thẳng thần kinh, chịu tác động của ồn, rung, hơi xăng.
